TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST Ngày: 27/4/2018 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: **- Ông: Ndu Ha Biên.**

- Bà: Phan Thị Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Biên -** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ông **Viên Văn K**; Sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn , xã P huyện R tỉnh L; Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. ***Bị đơn***: Bà **Bùi Thị Đ**; Sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện R, tỉnh L;

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Viên Văn K trình bày:

Ông K và bà Bùi Thị Đ có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì quyết định đi đến quan hệ hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/ 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện R, tỉnh L và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, ông bà làm ăn sinh sống tại thôn Thôn T, xã , huyện R. Khoảng đầu

năm 2016 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không đồng quan điểm trong cách sống, suy nghĩ dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm ảnh hưởng đến con. Ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tại vợ chồng ông bà đã ly thân. Do đó, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Đ.

Về con chung: Ông bà có với nhau 02 con chung là cháu Viên Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2005; Viên Đức Th, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2009. Ông K yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho ông nuôi dưỡng và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Bùi Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ thống nhất về quan hệ hôn nhân như lời trình của ông . Qua yêu cầu ly hôn của ông K thì bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Đ thống nhất như lời trình bày của K và bà Đ yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho ông K nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ thống nhất như lời trình bày của K.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông K và bà Đ được ly hôn; Về con chung: giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luật tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Viên Văn K và bị đơn bà Bùi Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1 Điều 228;

Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Viên Văn K và bà Bùi Thị Đ đã tự nguyện đi đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/ 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện R, tỉnh L nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà Đ là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không đồng quan điểm trong cách sống, suy nghĩ, không quan tâm chăm sóc, lo toan cho cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn ông K.

[3] Về con chung: Ông Kiêm và bà Điền có 02 con chung là cháu Viên Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2005; Cháu Viên Đức Th, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2009. Xét ông K và bà Đ đều thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận về trách nhiệm nuôi con chung và giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn ông Viên Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Viên Văn K và bị đơn bà Bùi Thị Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Viên Thị Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2005; Cháu Viên Đức Th, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2009 cho ông Viên Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Viên Thị Ngọc A, Viên Đức Th đủ 18 tuổi. Bà Bùi Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Viên Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Viên Văn K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003442 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND xã P, huyện R, tỉnh L
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình